

Tại sao họ không kết hôn? Rào cản đối với hôn nhân trong số những người có hoàn cảnh khó khăn

Kathryn Edin và Joanna M. Reed

Kathryn Edin là giáo sư phụ trách môn xã hội học tại Khoa Xã hội học và Trung tâm Nghiên cứu Dân số, Đại học Pennsylvania. Joanna M. Reed là sinh viên sau đại học môn xã hội học tại Đại học Northwestern. Các tác giả muốn cảm ơn Kristen Harknett, Maria Kefalas, Timothy Nelson, và Sharon Sassler vì những bình luận và đề xuất của họ.

Tóm tắt

Kathryn Edin và Joanna Reed xem xét các nghiên cứu gần đây về các rào cản xã hội và kinh tế (social and economic barriers) đối với hôn nhân trong số người nghèo và thảo luận về hiệu quả của nỗ lực từ các nhà hoạch định chính sách (state policymakers) liên bang và tiểu bang nhằm thúc đẩy hôn nhân trong số các cặp đôi chưa kết hôn nghèo khó (poor unmarried couples), đặc biệt là những người có con, dựa trên những phát hiện này.

Các rào cản xã hội bao gồm mong muốn (aspirations) và kỳ vọng (expectations) về hôn nhân, quan điểm về sinh con, tiêu chuẩn tài chính cho hôn nhân, chất lượng mối quan hệ, việc không thích ly hôn, và con cái từ những người đối tác khác. Edin và Reed lưu ý rằng đàn ông và phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn đánh giá cao hôn nhân nhưng tin rằng họ hiện không đủ khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn cao về chất lượng mối quan hệ và sự ổn định tài chính mà họ cho là cần thiết để duy trì một cuộc hôn nhân và tránh ly hôn. Tuy nhiên, mặc dù họ coi trọng hôn nhân, người Mỹ nghèo không coi đó là điều kiện tiên quyết cho việc sinh con, và thường thấy trong các gia đình cặp đôi chưa kết hôn, một hoặc

cả hai bên có con từ một đối tác khác. Các rào cản kinh tế bao gồm thu nhập thấp của đàn ông, thu nhập của phụ nữ, và thuế hôn nhân.

Trước những phát hiện này, Edin và Reed cho rằng các chiến dịch công cộng nhằm thuyết phục người Mỹ nghèo về giá trị của hôn nhân đang nói với những người đã sẵn lòng lắng nghe (preaching to the choir / tức là về bản chất những người này đã biết rõ giá trị của hôn nhân, và không cần thuyết phục thêm họ về điều này). Thay vào đó, các chiến dịch nên nhấn mạnh lợi ích cho trẻ em khi sống cùng cả hai bố mẹ ruột (biological parents) và làm nổi bật những tác động xấu cho trẻ em từ mối quan hệ cha mẹ xung đột cao (high-conflict parental relationships). Các chương trình cải thiện chất lượng mối quan hệ cần phải đối mặt trực tiếp với những vấn đề lớn mà nhiều cặp đôi gặp phải. Bởi vì đàn ông và phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn coi một mức độ ổn định tài chính nào đó là điều kiện tiên quyết cho hôn nhân, các nhà hoạch định chính sách (policymakers) cần phải giải quyết sự không ổn định và mức lương thấp của những công việc mà họ thường giữ cũng như tìm cách thúc đẩy sở hữu nhà ở và phát triển tài sản khác để khuyến khích hôn nhân. Hơn nữa, các chương trình cần phải giúp các cặp đôi đối mặt với thách thức của việc làm cha mẹ nơi mà trẻ em là một sự kết hợp của con riêng của anh ấy, con riêng của cô ấy, và con chung của cả hai. Khuyến khích nhiều cặp đôi thu nhập thấp (low-income) kết hôn mà không cung cấp cho họ công cụ để giúp hôn nhân của họ phát triển có thể chỉ đơn giản là làm tăng thêm tỷ lệ ly hôn.

www.futureofchildren.org

Nửa thế kỷ trước, người Mỹ, dù nghèo hay giàu có, đều kết hôn với tỷ lệ gần như nhau. Nhưng vào giữa những năm 1980, phụ nữ nghèo chỉ có khả năng kết hôn bằng khoảng ba phần tư so với phụ nữ không nghèo. Và tỷ lệ kết hôn trong số những người có hoàn cảnh khó khăn đã tiếp tục giảm.[1] Ngày nay, đàn ông và phụ nữ nghèo chỉ có khả năng

kết hôn khoảng một nửa so với những người có thu nhập gấp ba lần hoặc nhiều hơn mức nghèo khó.[2]

Đối với những người quan tâm đến sự tốt lành của trẻ em, khía cạnh đáng lo ngại nhất của sự giảm tỷ lệ kết hôn trong số người nghèo là sự tăng của việc sinh con ngoài hôn nhân (nonmarital childbearing / còn có tên khác là sinh con ngoài giá thú). Mặc dù tỷ lệ sinh con đầu lòng trong hôn nhân đã giảm đáng kể đối với cả đất nước – từ hơn 90 phần trăm trong những năm 1940 xuống chỉ còn khoảng 60 phần trăm ngày nay – nhưng vẫn có gần một phần ba phụ nữ nghèo từ 25 tuổi trở lên đã sinh con ngoài hôn nhân, so với chỉ 5 phần trăm phụ nữ không nghèo.[3]

Trong nỗ lực thúc đẩy hôn nhân trong số các cặp đôi chưa kết hôn nghèo đang chờ đón em bé, các nhà hoạch định chính sách liên bang và tiểu bang đang cung cấp một loạt dịch vụ xung quanh thời điểm sinh con – mà nhiều người coi là một “khoảnh khắc kỳ diệu / magic moment” trong những mối quan hệ này. Các cơ quan tiểu bang và địa phương đang tập hợp và khuyến khích (recruiting) các bậc làm cha làm mẹ sắp sinh hoặc mới sinh mà chưa kết hôn vào các chương trình sáng tạo để cải thiện kỹ năng quan hệ của họ, áp dụng các chương trình học truyền thống dành cho việc cải thiện mối quan hệ của các cặp vợ chồng tầng lớp trung lưu (middle-class married couples). Bằng cách dạy những kỹ năng này cho những cặp đôi chưa kết hôn, hầu hết là người nghèo và thuộc nhóm dân tộc thiểu số, các nhà hoạch định chính sách hy vọng vừa tăng tỷ lệ kết hôn của họ mà cũng làm cho hôn nhân của họ kéo dài hơn.

Tuy nhiên, nhiều người quan sát vẫn hoài nghi rằng những chương trình mới này, chưa được đánh giá một cách khoa học, nhưng lại đảm đương nhiều việc để phục hồi hôn nhân, đặc biệt là hôn nhân khỏe mạnh và lâu dài, trong số người nghèo. Họ nghi ngờ liệu những chương trình này có thể giải quyết hiệu quả các thực tế – cả về mặt xã hội và kinh tế – khiến cho các cặp đôi nghèo không thể kết hôn. Một số người thuộc chính trị

cánh tả đã chỉ trích gay gắt những chương trình như vậy. Một người quan sát bình luận, “Không thể biện minh việc chi 1,5 tỷ đô la cho các chương trình hôn nhân chưa được kiểm chứng, trong khi không đủ tiền để trả cho những nhu cầu *cơ bản* để trở lại làm việc, chẳng hạn như chăm sóc trẻ.”[4]

Chúng tôi xem xét các phát hiện từ một lĩnh vực nghiên cứu mới nổi điều tra lý do tại sao các cặp đôi thu nhập thấp, đặc biệt là những người có con chung, kiêng cử chuyện kết hôn. Chúng tôi bắt đầu bằng cách phân loại bằng chứng thành hai loại: kinh tế và xã hội. Các rào cản xã hội đối với hôn nhân bao gồm thái độ về hôn nhân (marital attitudes), quan điểm về sinh con (childbearing attitudes), chuẩn mực về mức sống cần thiết cho hôn nhân (norms about the standard of living required for marriage), chất lượng mối quan hệ (relationship quality), sự chống đối với ly hôn (aversion to divorce), và xu hướng của cả đàn ông và phụ nữ mang theo con từ các mối quan hệ trước đến mối quan hệ mới. Các rào cản kinh tế mà, ít nhất là theo lý thuyết, ảnh hưởng đến tỷ lệ kết hôn của người nghèo bao gồm thu nhập và việc làm thấp trong số những người đàn ông không có kỹ năng, việc làm tăng lên trong số phụ nữ không có kỹ năng, và nhà nước phúc lợi, nơi áp đặt một mức “thuế” đáng kể đối với hôn nhân thuộc nhóm dân số thu nhập thấp.

Khi chúng tôi đánh giá bằng chứng được cung cấp bởi nghiên cứu mới này, chúng tôi chủ yếu tập trung vào các cặp đôi đối phó với bất lợi kinh tế, hơn là các hình thức bất lợi khác như chủng tộc hoặc dân tộc. Khi có thể, chúng tôi xem xét cả dữ liệu định tính lẫn định lượng.[5] Trong khi dữ liệu định lượng cho thấy liệu một niềm tin được giữ hay một sự kiện xảy ra dưới điều kiện nào, dữ liệu định tính có thể tiết lộ các cơ chế và quá trình xã hội nằm dưới những mối quan hệ thống kê này. Một số nghiên cứu định tính mới đặc biệt quý giá vì chúng cung cấp cái nhìn sâu sắc vào cách mà các cặp đôi thu nhập thấp, đặc biệt là những người có con chung, nhìn nhận về hôn nhân. Chúng tôi bắt đầu với các yếu tố xã hội bởi vì các rào cản tài chính chúng tôi xem xét có thể được

hiểu rõ hơn trong ánh sáng của các kỳ vọng xã hội và văn hóa nằm đằng sau chúng.

Rào cản Xã hội

Trong phần này, chúng tôi điều tra sáu rào cản xã hội có thể đối với hôn nhân trong số người Mỹ có hoàn cảnh khó khăn: khát vọng và kỳ vọng hôn nhân của họ, quy chuẩn của họ về sinh con, tiêu chuẩn tài chính của họ cho hôn nhân, chất lượng mối quan hệ của họ, sự không thích ly hôn, và con cái của họ từ (những) đối tác khác.

Mong Muốn (Khát Vọng, Khao Khát) Hôn Nhân và Kỳ Vọng Hôn Nhân

Như các nhà tâm lý học xã hội đã đặt ra từ trước, việc dự đoán hành động dựa trên ý định của cá nhân tham gia vào đó, thì có lẽ người nghèo kết hôn với tỷ lệ thấp bởi vì họ không còn khát vọng hôn nhân nữa (*aspire to matrimony*).[6] Thật vậy, một số phân tích khảo sát cho thấy những người Mỹ chưa kết hôn coi hôn nhân là quan trọng thì có khả năng kết hôn cao hơn so với những người không coi điều đó là quan trọng.[7] Trong những năm 1990, một số nhà nghiên cứu gia đình hàng đầu đã sử dụng các cuộc khảo sát quốc gia để đo lường khát vọng hôn nhân của người trả lời (liệu họ hy vọng sẽ kết hôn) và kỳ vọng hôn nhân (liệu họ nghĩ họ sẽ kết hôn) để xem chúng thay đổi như thế nào. Những nghiên cứu này đều cho thấy khát vọng hôn nhân (*marital aspirations*) rất cao trong số tất cả người Mỹ, kể cả những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Ví dụ, Scott South, sử dụng các chu kỳ thu thập dữ liệu (*waves*) từ năm 1988-99 của Cuộc Khảo Sát Quốc Gia về Gia Đình và Hộ Gia Đình, tìm thấy ít biến đổi về khát vọng hôn nhân theo việc làm hoặc thu nhập, tương đối ít theo chủng tộc, và chỉ hơi nhiều hơn theo trình độ học vấn (những người trả lời có học vấn cao hơn chỉ có khát vọng kết hôn hơi cao hơn so với những người ít học vấn hơn).[8]

Richard và Kris Bulcroft phân tích cùng một dữ liệu và cũng không tìm thấy sự khác biệt đáng kể nào về khát vọng hôn nhân theo thu nhập hoặc việc làm, học vấn, hoặc việc nhận trợ cấp công cộng.[9] Sharon Sassler và Robert Schoen tìm thấy một sự khác biệt thú vị theo chủng tộc, nhưng không phải theo hướng người ta có thể mong đợi: phụ nữ da đen độc thân có khả năng lớn hơn đáng kể so với phụ nữ da trắng độc thân tin rằng cuộc sống của họ sẽ tốt hơn nếu họ kết hôn.[10]

Gần đây hơn, Daniel Lichter, Christine Batson, và J. Brian Brown đã phân tích dữ liệu về những cá nhân chưa kết hôn không sống chung từ dữ liệu năm 1995 của Cuộc Khảo Sát Dài Hạn Quốc Gia về Thanh Niên. Họ tập trung cụ thể vào khát vọng hôn nhân của một loạt những người trả lời có hoàn cảnh khó khăn, bao gồm những người có thu nhập thấp, những người đến từ nền tảng nghèo khó, thành viên của các nhóm chủng tộc và dân tộc thiểu số, người nhận trợ cấp công cộng, và phụ nữ có con sinh ra ngoài hôn nhân.[11] Mặc dù những bà mẹ chưa kết hôn là nhóm ít có khả năng khao khát kết hôn nhất, gần 70 phần trăm báo cáo rằng họ muốn kết hôn. Và các nghiên cứu tương tự cho thấy rằng mẹ đơn thân, người nhận trợ cấp xã hội, và người Mỹ da đen có cùng khát vọng hôn nhân như phụ nữ khác (mặc dù học vấn tăng cường khát vọng này một chút).[12]

Khát vọng hôn nhân - mong muốn tổng thể sẽ kết hôn vào “một ngày nào đó” - ít cụ thể hơn và do đó có lẽ ít hữu ích hơn trong việc dự đoán hành vi, so với kỳ vọng hôn nhân. Hai cuộc khảo sát đại diện quốc gia đã đo lường kỳ vọng hôn nhân (marital expectations). Trong Cuộc Khảo Sát Quốc Gia về Tăng Trưởng Gia Đình [National Survey of Family Growth], phụ nữ chưa kết hôn không sống chung được hỏi, “Bạn có mong đợi kết hôn (một lần nữa) vào một thời điểm nào đó trong tương lai không?” Đa số người được khảo sát trong một loạt nhóm có hoàn cảnh khó khăn đều báo cáo rằng họ mong đợi kết hôn, mặc dù phụ nữ không phải là mẹ đơn thân báo cáo kỳ vọng hôn nhân cao hơn so với

mẹ đơn thân (single mothers). Ngoài ra, phụ nữ từ nền tảng gia đình có hoàn cảnh khó khăn, những người ít học, và những người nhận trợ cấp xã hội có kỳ vọng hôn nhân thấp hơn.[13] Cuộc khảo sát cũng hỏi phụ nữ sống chung xem họ có mong đợi kết hôn với bạn trai hiện tại của họ không? Tại đây, kết quả cho thấy rằng sự bất lợi kinh tế của đàn ông làm giảm kỳ vọng hôn nhân của đối tác của họ.[14] Tuy nhiên, cả hai nhóm kết quả khảo sát đều cho thấy kỳ vọng về hôn nhân của những người thiệt thòi vẫn còn rất cao.

Quan niệm rằng hôn nhân thay đổi sâu sắc ý nghĩa của một mối quan hệ và chỉ phù hợp cho những người có thể đáp ứng những tiêu chuẩn cao này phản ánh giá trị biểu tượng mạnh mẽ của nó.

Nghiên cứu "Fragile Families and Child Wellbeing" [Gia đình mong manh và Phúc lợi Trẻ em], một nghiên cứu đại diện quốc gia ở quy mô lớn về một nhóm sinh đô thị gần 3,800 trẻ em của cha mẹ chưa kết hôn, đã ghi nhận rằng đa số (83 phần trăm) tất cả các ca sinh ngoài hôn nhân của phụ nữ trưởng thành là của các cặp đôi có mối quan hệ lãng mạn, khoảng một nửa trong số họ đang sống cùng nhau vào thời điểm đưa trẻ chào đời.[15] Khi những cặp đôi này được hỏi, "Bạn đánh giá khả năng kết hôn với mẹ/cha của con bạn như thế nào?" trong những giờ ngay sau khi đưa trẻ chào đời, gần ba phần tư các bà mẹ đánh giá khả năng của họ ít nhất là 50-50, và gần sáu trong mười tin rằng khả năng của họ là tốt hoặc gần như chắc chắn.[16] Người cha thậm chí còn lạc quan hơn: một con số ấn tượng 90 phần trăm cảm thấy cơ hội của họ ít nhất là 50-50, và 75 phần trăm cảm thấy cơ hội của họ là tốt hoặc gần như chắc chắn.[17]

Một số nhà nghiên cứu nghi ngờ tính hợp lệ của những phát hiện này vì các cặp đôi được phỏng vấn chỉ vài giờ sau khi con họ chào đời. Tuy nhiên, nghiên cứu "Time, Love, and Cash in Couples with Children" [Thời gian, tình yêu và tiền bạc trong các cặp có con] (TLC3) đã tiến

hành phỏng vấn định tính chuyên sâu với một mẫu nhỏ gồm bốn mươi chín cặp đôi chưa kết hôn từ nghiên cứu "Fragile Families" từ hai đến ba tháng sau khi sinh.[18] Tại thời điểm này, niềm hạnh phúc của việc chào đón một sinh linh mới có lẽ đã nhường chỗ cho những đêm không ngủ và các áp lực khác của việc nuôi dạy một em bé sơ sinh, nhưng những người phỏng vấn phát hiện ra rằng những cặp đôi này vẫn lạc quan về hôn nhân gần như họ đã từng có vào vài giờ sau khi em bé của họ chào đời.[19]

Có vài kết luận cần được rút ra. Đầu tiên là mặc dù khát vọng hôn nhân (marital aspirations) không thay đổi nhiều theo hầu hết các khía cạnh của hoàn cảnh khó khăn, nhưng kỳ vọng hôn nhân (marital expectations) thì có. Một lý do có thể giải thích cho sự khác biệt này là các câu hỏi về khát vọng hôn nhân mang giá trị đánh giá và do đó chịu ảnh hưởng của những gì các nhà phương pháp luận gọi là “định kiến mong muốn xã hội / social desirability bias”, xu hướng mà người trả lời câu hỏi khảo sát đi theo các chuẩn mực xã hội hiện hành. Câu hỏi về kỳ vọng hôn nhân cụ thể hơn và phản ánh tình huống và đối tác tiềm năng cụ thể hơn là các giá trị và thái độ tổng quát. Một giải thích khác là mặc dù những người đàn ông và phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn muốn kết hôn, họ phải đối mặt với những rào cản lớn hơn so với thành viên của tầng lớp trung lưu. Nhận biết những rào cản này có thể, đổi lại, làm giảm kỳ vọng về hôn nhân mặc dù khát vọng cao. Dù chọn giải thích nào, kết luận thứ hai chúng tôi rút ra từ những phát hiện này là cả khát vọng và kỳ vọng hôn nhân vẫn khá cao trong số những nhóm có hoàn cảnh khó khăn, bao gồm cả cha mẹ chưa kết hôn.

Mặc dù những hi vọng và kỳ vọng cao này khó có thể phù hợp với những phát hiện về hành vi hôn nhân. Ví dụ, Lichter, Batson, và Brown phát hiện rằng chỉ có 20 phần trăm trong số tất cả phụ nữ mong muốn kết hôn thực hiện được mục tiêu này trong vòng bốn năm.[20] Trong số những bậc mới làm cha làm mẹ và chưa kết hôn trong Nghiên cứu "Fragile Families", chỉ khoảng 15 phần trăm kết hôn vào thời điểm con

họ ba tuổi.[21] Lichter, Batson, và Brown đặt ra câu hỏi rõ ràng, “Tại sao quá trình chuyển sang hôn nhân lại thấp đối với phụ nữ độc thân muốn kết hôn?”[22]

Nghiên cứu gần đây cho thấy người Mỹ, cả giàu và nghèo, đã chấp nhận một định nghĩa mới về hôn nhân và những quan niệm mới về ý nghĩa của hôn nhân có thể là một phần của câu trả lời.[23] Cụ thể, hôn nhân dường như đã mất đi phần lớn giá trị công cụ của nó. Đó là, xã hội đã trở nên chấp nhận hơn nhiều đối với hoạt động tình dục trước hôn nhân (premarital sexual activity), sống chung không hôn thú (cohabitation), và sinh con ngoài giá thú (nonmarital childbearing) hơn trước đây.[24] Khi đám cưới không còn là điều kiện tiên quyết cho hoạt động tình dục công khai, sống chung và sinh con; khi phá thai và kiểm soát sinh sản được sử dụng rộng rãi; và khi chiếc nhẫn cưới vàng không còn cần thiết để phụ nữ Mỹ khẳng định địa vị xã hội, giá trị thực tiễn (practical value) của hôn nhân bị giảm đi nghiêm trọng. Trong nghiên cứu định tính TLC3, các bậc cha mẹ chưa kết hôn được hỏi cảm nhận của họ về việc cuộc sống của họ sẽ thay đổi như thế nào nếu họ kết hôn. Không ngạc nhiên, cả mẹ và cha, hầu hết đã sống chung, thường nói rằng hôn nhân sẽ không thay đổi cuộc sống hàng ngày của họ chút nào.[25]

Tuy nhiên, cùng một nghiên cứu cũng cho thấy giá trị biểu tượng của hôn nhân có thể vẫn rất cao. Thực tế, nó có thể thậm chí đã tăng lên, chính xác là do giá trị công cụ của hôn nhân giảm đi.[26] Hôn nhân đã trở thành một thứ xa xỉ chứ không phải là nhu cầu, một biểu tượng của địa vị trong ý nghĩa thực sự của cụm từ này.[27] Kathryn Edin và Maria Kefalas cho rằng do sự biến đổi này trong ý nghĩa của hôn nhân, cả người Mỹ nghèo và có điều kiện thuận lợi hơn giờ đây có những kỳ vọng đáng chú ý tương tự về một đối tác hôn nhân và mối quan hệ hôn nhân lý tưởng.[28] Cùng những cặp đôi trong nghiên cứu TLC3, những người tin rằng cuộc sống hàng ngày của họ sẽ không thay đổi chút nào nếu họ kết hôn, đã nói tiếp rằng việc kết hôn sẽ thay đổi sâu sắc ý nghĩa

của mối quan hệ của họ, một phần không nhỏ bởi vì họ tin rằng hôn nhân đòi hỏi những kỳ vọng cao hơn nhiều về chất lượng mối quan hệ và sự ổn định tài chính so với sống chung – một điểm chúng tôi sẽ quay lại. Quan niệm rằng hôn nhân thay đổi sâu sắc ý nghĩa của một mối quan hệ và chỉ phù hợp cho những người có thể đáp ứng những tiêu chuẩn cao này phản ánh giá trị biểu tượng mạnh mẽ của nó. Nếu giải thích này là đúng, người nghèo có thể kết hôn với tỷ lệ thấp hơn đơn giản bởi vì họ không thể đáp ứng được tiêu chuẩn hôn nhân cao hơn này.

Quan Điểm về Sinh Con

Các nhà hoạch định chính sách quan tâm nhất đến việc thúc đẩy hôn nhân như một môi trường để nuôi dạy trẻ em. Tuy nhiên, mặc dù đánh giá cao hôn nhân, người Mỹ nghèo không coi đó là điều kiện tiên quyết cho việc sinh con.[29] Thực tế, các nghiên cứu định tính về cha mẹ độc thân thu nhập thấp cho thấy rằng, đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, việc sinh con và kết hôn không còn nhất thiết phải “đi đôi với nhau.”[30] Nghiên cứu TLC3 đã hỏi những bậc cha mẹ độc thân mới một loạt câu hỏi mở rộng về quan điểm của họ về hôn nhân và khát vọng cũng như kế hoạch kết hôn của họ. Mặc dù hầu hết các cặp đôi cho biết họ đã có nhiều cuộc trò chuyện về hôn nhân và háo hức chia sẻ quan điểm và kế hoạch hôn nhân của họ với những người phỏng vấn, chủ đề về con cái hầu như không bao giờ xuất hiện trong những cuộc trò chuyện này, ngoại trừ phát biểu thường xuyên rằng chỉ việc có con chung không phải là lý do đủ để kết hôn.[31] Trái ngược hẳn, các cuộc phỏng vấn sâu với một mẫu người đang sống chung có bằng đại học gồm hai mươi lăm phụ nữ và nam giới sống tại Thành phố New York cho thấy hầu hết trong số họ coi hôn nhân là điều kiện cần thiết cho việc sinh con. Thực tế, nhiều người không thể tưởng tượng việc sinh con ngoài hôn nhân.[32]

Nghiên cứu dân tộc học của Edin và Kefalas tại tám khu vực thu nhập thấp ở Philadelphia từ năm 1995 đến 2001, cùng với các cuộc phỏng

vấn sâu lặp đi lặp lại với một nhóm phụ nữ độc thân thuộc nhiều chủng tộc khác nhau sống tại các khu vực này, đã phát hiện ra những quan điểm phức tạp về trẻ em và hôn nhân.[33] Mặc dù những bà mẹ này nói chung tin rằng sinh con trước hôn nhân không phải là cách làm lý tưởng, họ phải tính toán rủi ro và lợi ích từ các mối quan hệ có sẵn đối với họ và cân đối khát vọng hôn nhân của họ với quan điểm đạo đức mạnh mẽ về điều kiện mà họ cho là đúng và phù hợp để kết hôn, một chủ đề xuất hiện xuyên suốt trong bài đánh giá này.

Tiêu Chuẩn Kinh Tế cho Hôn Nhân

Chúng tôi sẽ thảo luận về tầm quan trọng của việc làm và thu nhập của đàn ông sau. Tại đây, chúng tôi tập trung vào một chủ đề liên quan: chuẩn mực và giá trị về mức sống cần thiết cho hôn nhân. Các lý thuyết về mối liên kết giữa tỷ lệ kết hôn và thu nhập của đàn ông cho rằng tồn tại một “ngưỡng tài chính” mà nếu ở dưới đó hôn nhân không được coi là thực tiễn. Một phân tích khảo sát cho thấy rằng đàn ông và phụ nữ tin rằng cần phải có vị thế tài chính vững chắc trước khi kết hôn thì ít có khả năng kết hôn hơn những người không nghĩ vậy.[34]

Bằng chứng định tính hỗ trợ quan niệm rằng “niềm tin của các cặp đôi nghèo” về những gì cấu thành vị thế tài chính phù hợp cho hôn nhân có thể là rào cản đối với hôn nhân. Công trình của Edin và Kefalas với những bà mẹ độc thân ở Philadelphia (đã đề cập bên trên) cho thấy rằng “tổ chức tài chính” là một điều kiện quan trọng cho hôn nhân.[35] Nhưng khả năng kết hôn không chỉ đơn giản là có tiền để thiết lập một hộ gia đình chung. Thực tế, nhiều cặp đôi đã sống chung với nhau. Thay vào đó, những bà mẹ này tin rằng hôn nhân nên dành cho những cặp đôi có thể hỗ trợ cuộc sống theo cách mà một số người trong họ gọi là phong cách “hàng rào trắng / white picket fence” - một tiêu chuẩn sống thường bao gồm hai hoặc nhiều hơn trong số các điều sau: một khoản thế chấp cho một ngôi nhà liền kề khiêm tốn, một chiếc ô tô và một số đồ nội thất, một số tiền tiết kiệm trong ngân hàng, và đủ tiền để chi trả cho một đám cưới “đàng hoàng”. [36]

Trong khoảng đầu đến giữa những năm 1990, Edin đã tiến hành phỏng vấn sâu rộng với một nhóm đa dạng về chủng tộc gồm 292 bà mẹ đơn thân có thu nhập thấp ở Chicago; Camden, New Jersey; và Charleston, Nam Carolina. Cô ấy phát hiện rằng hầu hết họ tin rằng một cuộc hôn nhân nghèo nhưng hạnh phúc hầu như không có cơ hội tồn tại và rằng áp lực hàng ngày của việc sống “đội lương / paycheck to paycheck [những người không có tiền tiết kiệm, và các khoản chi của họ phụ thuộc hoàn toàn vào lương]” sẽ gây áp lực không cần thiết lên mối quan hệ hôn nhân. Những bà mẹ này tin rằng các cặp đôi muốn kết hôn phải chứng minh cho cộng đồng - gia đình, bạn bè và hàng xóm - rằng họ đã “đạt được” về mặt tài chính. Để đạt được mục tiêu này, họ nói, các cặp đôi phải tích lũy những tài sản chung mà có thể thấy rõ được trách nhiệm tài chính và kỹ năng lập kế hoạch dài hạn của họ.

Các phỏng vấn viên cho nghiên cứu TLC3 về các cặp đôi chưa kết hôn đã hỏi những người mong muốn kết hôn về các rào cản của hôn nhân. Trong 74% các cặp, cha hoặc mẹ, hoặc cả hai, thấy rằng tình hình tài chính của họ là trở ngại, mặc dù 77% các cặp đang sống cùng nhau vào thời điểm đó, hầu hết trong các hộ gia đình độc lập. Joanna Reed phân tích các đợt khảo sát của nghiên cứu TLC3 sau mười bốn, hai mươi sáu, và năm mươi tháng và phát hiện rằng hầu hết các cặp đôi đã ở bên nhau suốt cả bốn năm đều không dao động trong cam kết với những mục tiêu kinh tế này, cũng không giảm tiêu chuẩn của họ để phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Những người chia tay và thiết lập các mối quan hệ mới hầu như đều áp dụng một bộ mục tiêu tương tự trong mối quan hệ mới của họ, cũng như đối tác mới của họ. Nếu những tiêu chuẩn kinh tế cao này chỉ là nói suông để tán dương lý tưởng của tầng lớp trung lưu - một cách chấp nhận được về mặt xã hội để che giấu sự do dự không muốn kết hôn vì những lý do khác - thì các cặp đôi đã đạt được mục tiêu vẫn sẽ trì hoãn hôn nhân. Nhưng hầu hết các cặp đôi đã đạt được mục tiêu kinh tế của mình và không gặp vấn đề nghiêm trọng trong mối quan

hệ thực sự đã kết hôn với nhau trong khoảng thời gian bốn năm của nghiên cứu.

Chất lượng Mỗi quan hệ

Các sáng kiến hôn nhân liên bang và tiểu bang gần đây đã tập trung vào việc dạy các cặp đôi chưa kết hôn có thu nhập thấp cách xây dựng kỹ năng quan hệ sẽ dẫn đến mối quan hệ hôn nhân khỏe mạnh, và một số nghiên cứu định lượng ủng hộ ý tưởng rằng chất lượng mối quan hệ thấp là một rào cản đối với hôn nhân. Một nghiên cứu như vậy sử dụng hai đợt của Cuộc khảo sát Gia đình và Hộ gia đình Quốc gia và phát hiện rằng đối với các cặp đôi sống chung, chất lượng mối quan hệ cao hơn sẽ tăng khả năng chuyển sang hôn nhân. Phân tích của Marcia Carlson, Sara McLanahan và Paula England về các đợt cơ bản và mười hai tháng của Cuộc khảo sát Gia đình Mong manh cũng phát hiện rằng chất lượng mối quan hệ được cảm nhận (perceived relationship) - cụ thể là sự hỗ trợ của đối tác - và niềm tin của các bà mẹ vào “đức lang quân tương lai”, cả hai đều là những dự đoán quan trọng về hôn nhân. Trong một mô phỏng, họ chỉ ra rằng chất lượng mối quan hệ cao hơn sẽ thúc đẩy tỷ lệ kết hôn nhiều hơn là sự tăng lương đáng kể của các ông bố[43].

Các nhà tâm lý học từ lâu đã cho rằng các sự kiện căng thẳng có thể can thiệp vào khả năng của các cặp đôi trong việc duy trì mối quan hệ tích cực với nhau, và Cuộc khảo sát Gia đình Mong manh cho thấy các bậc cha mẹ chưa kết hôn phải đối mặt với nhiều hoàn cảnh thách thức xung quanh thời điểm sinh con của họ. Ngoài mức độ học vấn, việc làm và tình hình tài chính thấp (khoảng 40% cả mẹ và cha chưa tốt nghiệp trung học, và 20% cha mất việc khi đưa trẻ sinh ra), một tỷ lệ đáng báo động của các ông bố mới có thời gian ở tù hoặc nhà giam, cho thấy tỷ lệ cao về hành vi phạm tội trong quá khứ. Ngoài ra, tình hình gia đình của họ cũng đặt ra những thách thức đặc biệt: trong hơn 60% các cặp đôi này, một hoặc cả hai đối tác đã có ít nhất một đứa con từ một mối quan hệ trước đó.

Một số nghiên cứu định lượng ủng hộ ý tưởng rằng chất lượng mối quan hệ thấp là một rào cản đối với hôn nhân.

Edin và Kefalas đã yêu cầu mỗi bà mẹ đơn thân ở khu vực Philadelphia mà họ phỏng vấn kể lại lần chia tay gần đây nhất của họ. Họ yêu cầu họ xác định lý do mối quan hệ của họ thất bại, cho phép họ đề cập đến vấn đề của riêng mình thay vì gợi ý họ với một danh sách các khó khăn tiềm năng. Gần một nửa các bà mẹ đề cập đến một mô hình bạo lực gia đình mãn tính, trong khi bốn trong mười đổ lỗi cho sự không chung thủy lặp đi lặp lại và thường xuyên và trảng trợn của đối tác. Khoảng một phần ba đề cập đến sự tham gia liên tục của đối tác với tội phạm và việc bị tù đày thường xuyên sau đó. Hơn một phần ba đề cập đến việc lạm dụng ma túy và rượu. Những vấn đề này cũng phổ biến trong mối quan hệ của các cặp đôi chưa kết hôn trong nghiên cứu TLC3, và mặc dù cả mẹ và cha đều báo cáo về những vấn đề với đối tác của họ, phụ nữ có khả năng cao hơn nam giới trong việc thể hiện điều này.

Có vẻ như nhiều phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn đã sinh con trong bối cảnh của các mối quan hệ lãng mạn có chất lượng thấp ở ngưỡng nguy hiểm. Tuy nhiên, những phụ nữ này lại đặt ra tiêu chuẩn cao cho mối quan hệ hôn nhân. Những hành vi có thể chấp nhận được ở một người bạn trai, ít nhất là trong một thời gian, hoàn toàn không thể chấp nhận được ở một người chồng. Hơn nữa, việc cân nhắc đến hôn nhân thậm chí còn [bị xem là] ngu ngốc cho đến khi một người đàn ông đã chứng minh rằng anh ta sẵn sàng và có khả năng đáp ứng những tiêu chuẩn cao hơn này. Nghiên cứu TLC3 phát hiện ra rằng trong 57% các cặp đôi chưa kết hôn có trẻ sơ sinh, hoặc của anh ta hoặc của cô ta, hoặc con chung của cả hai, chỉ ra các vấn đề trong mối quan hệ của họ mà họ cần phải giải quyết trước khi họ có thể kết hôn. Nghiên cứu TLC3 cũng cho thấy hầu hết các cặp đôi chưa kết hôn tin rằng họ chưa sẵn sàng đáp

ứng những tiêu chuẩn mối quan hệ cao hơn này vào thời điểm con họ chào đời.

Tại sao những cặp đôi này lại khẳng định rằng hôn nhân yêu cầu một mức độ chất lượng mối quan hệ cao hơn so với việc sống cùng nhau và chia sẻ nhiệm vụ nuôi dạy con cái chung? Đầu tiên, mối quan hệ của họ thường khá mới. Cặp đôi điển hình trong nghiên cứu TLC3 mới ở bên nhau chưa đầy một năm trước khi thụ thai đứa con đầu lòng cùng nhau (rất giống với những gì các bà mẹ đơn thân ở khu vực Philadelphia mà Edin và Kefalas ghi nhận được). Thứ hai, ít trong số những lần thụ thai này là kết quả của một kế hoạch rõ ràng. Do đó, sự nhấn mạnh mà những bậc mới làm cha làm mẹ chưa kết hôn này đặt ra đối với chất lượng mối quan hệ (và nhu cầu kiểm tra mối quan hệ thêm vài năm nữa) là hoàn toàn có thể hiểu được: các cặp đôi không biết nhau rõ và thông thường không có kế hoạch sinh con cùng nhau khi họ làm vậy.

Khi các phỏng vấn viên của TLC3 yêu cầu người trả lời mô tả những phẩm chất quan trọng nhất cho một cuộc hôn nhân tốt, hầu hết đàn ông và phụ nữ đều phản hồi với một loạt câu trả lời gần như giống hệt nhau: “Giao tiếp, trung thực và tin tưởng.” Vấn đề tin tưởng đặc biệt nổi bật trong các mối quan hệ thường xuyên bị đe dọa bởi các tập tính bạo lực gia đình và sự không chung thủy tràn lan. Quả thực, các cuộc phỏng vấn chất lượng của Frank Furstenberg với một nhóm cư dân có thu nhập thấp ở Baltimore đã phát hiện ra một “văn hóa không tin tưởng / culture of distrust” giữa đàn ông và phụ nữ. Sự thiếu tin tưởng lan rộng này khiến các cặp đôi liên tục cảnh giác với dấu hiệu rắc rối trong mối quan hệ và nhanh chóng rời bỏ mối quan hệ ngay khi những dấu hiệu đó xuất hiện. Chủ đề không tin tưởng cũng rõ ràng trong công việc nghiên cứu sắc thái của Edin và Kefalas ở Philadelphia, cũng như trong các cuộc phỏng vấn của Edin với các bà mẹ từ Chicago, Camden và Charleston.

Sự Chống Đối Lại Ly Hôn

Mặc dù người Mỹ nói chung đã trở nên chấp nhận ly hôn nhiều hơn trong nửa thế kỷ qua, nhưng đàn ông và phụ nữ ít học đã chậm chạp hơn trong việc từ bỏ quan điểm tiêu cực của họ so với những người có học vấn cao hơn. Sự khác biệt về quan điểm này là một sự trớ trêu, bởi vì hôn nhân giữa những người trưởng thành có học vấn đại học đã trở nên ổn định hơn kể từ năm 1980: tỷ lệ ly hôn của nhóm này đã giảm trong khi tỷ lệ ly hôn cho nhóm ít học nhất đã tăng lên.

Chúng tôi không biết bất kỳ phân tích nào đánh giá trực tiếp xem nỗi sợ hôn nhân tan vỡ có ảnh hưởng đến tỷ lệ kết hôn hay không. Nhưng một phân tích sử dụng hai đợt của Cuộc khảo sát Gia đình Mong manh cho thấy các cặp đôi có những đặc điểm khiến họ có khả năng cao hơn kết thúc quan hệ bằng việc ly hôn (chẳng hạn như trẻ tuổi hoặc ít học, báo cáo mâu thuẫn nghiêm trọng với nhau, hoặc bạo lực trong mối quan hệ) thì ít có khả năng kết hôn, ngay cả khi họ có những đặc điểm khác mạnh mẽ liên quan đến việc bước vào hôn nhân. Christina Gibson-Davis, Kathryn Edin và Sara McLanahan viết, “Dựa trên bằng chứng này, chúng tôi kết luận rằng các bậc cha mẹ chưa kết hôn hoãn lại việc kết hôn khi họ nhận thức được nguy cơ ly hôn cao.” Dữ liệu từ nhiều nghiên cứu chất lượng ủng hộ giả thuyết rằng người nghèo có thể do dự không muốn kết hôn chính xác là vì họ nhận thức rằng nguy cơ ly hôn cao. Những bà mẹ đơn thân ở Philadelphia được Edin và Kefalas nghiên cứu báo cáo rằng vết nhơ của một cuộc hôn nhân thất bại tồi tệ hơn nhiều so với việc sinh con ngoài giá thú. Cuộc phỏng vấn của Edin ở Chicago, Camden và Charleston cho thấy hầu hết những bà mẹ đơn thân có thu nhập thấp tin rằng hôn nhân là “linh thiêng” và ly hôn làm nhục nhã tổ chức mà họ tôn trọng[61].

Một phân tích dữ liệu này kết luận rằng “ở trung tâm của sự do dự về hôn nhân là một sự tôn trọng sâu sắc đối với thể chế hôn nhân (institution of marriage).”

Trong 53% các cặp đôi chưa kết hôn của TLC3, một hoặc cả hai đối tác nói rằng nỗi sợ ly hôn là một phần nguyên nhân khiến họ không kết hôn. Trong một cuộc phỏng vấn đáng nhớ, một người mẹ nói đùa, “Tôi không tin vào ly hôn. Đó là lý do tại sao không có phụ nữ nào trong gia đình tôi kết hôn!” Một phân tích dữ liệu này kết luận rằng “ở trung tâm của sự do dự về hôn nhân là một sự tôn trọng sâu sắc đối với thể chế hôn nhân.” Trên thực tế, những cặp đôi này sợ rằng việc đưa mối quan hệ không đáp ứng những tiêu chuẩn này vào kỳ vọng chuẩn mực của hôn nhân một cách vội vã có thể đặt mối quan hệ vào nguy cơ. Trong khi đó, việc sống thử cho phép đủ sự linh hoạt để cặp đôi có thể ở lại với nhau ngay cả trong tình trạng khó khăn về tài chính và có vấn đề về mối quan hệ.

Có con cái với Đối tác Khác

Cuộc sinh nở không hôn nhân điển hình là của một cặp đôi mà cha, mẹ hoặc cả hai đã có con với một đối tác khác. Vì việc sinh con với nhiều đối tác khác nhau phổ biến hơn ở những nhóm có hoàn cảnh khó khăn, và phụ nữ và đàn ông nghèo kết hôn thường làm vậy sau khi đã có con, con cái với người đối tác khác có thể tạo ra một rào cản đặc biệt đối với hôn nhân trong những nhóm này.

Đàn ông có thể không sẵn lòng kết hôn với một phụ nữ phải chăm sóc con của người đàn ông khác, và phụ nữ có thể do dự khi kết hôn với một người đàn ông có nghĩa vụ trợ cấp cho con cái. Chỉ có một nghiên cứu, phân tích các đợt cơ bản và mười hai tháng của Cuộc khảo sát Gia đình Mong manh, đã xem xét tác động của việc có con với đối tác khác đối với quá trình chuyển đổi sang hôn nhân. Nghiên cứu này phát hiện ra rằng việc một người cha có con với đối tác khác ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi sang hôn nhân ở một mức độ nào đó, trong khi việc một người mẹ có con với đối tác khác thì không.

Bằng chứng chất lượng từ đợt cơ bản của nghiên cứu TLC3 đưa ra một lý do tại sao điều này có thể xảy ra. Các ông bố chưa kết hôn thường

sống chung với người mẹ và các con khác của cô ấy, trong khi các bà mẹ chưa kết hôn gần như không bao giờ sống chung với các con từ mối quan hệ trước đây của đối tác; những đứa trẻ này thường sống với mẹ ruột của chúng. Mặc dù các ông bố trong tình huống này phải có nghĩa vụ cung cấp trợ cấp cho con cái, có thể là nguồn căng thẳng tài chính cho cặp đôi, nhưng các bà mẹ trong nghiên cứu này ít khi phàn nàn về dòng tài nguyên kinh tế chảy ra khỏi hộ gia đình và hướng đến việc chăm sóc con cái của đối tác. Một phần họ coi việc các ông bố trả trợ cấp là hành động có trách nhiệm - một phẩm chất họ rất ngưỡng mộ. Sự đồng tình của họ cũng có thể chứa đựng một phần lợi ích của bản thân, vì họ có thể mong muốn đảm bảo rằng họ có thể trông cậy vào những đóng góp như vậy nếu mối quan hệ của họ với anh ta tan vỡ.

Các bà mẹ không mấy lạc quan về thời gian các ông bố dành cho con cái khác của họ: những phàn nàn trong chuyện này thường xuyên hơn so với phàn nàn về trợ cấp cho con cái. Các bà mẹ thường cảm thấy rằng thời gian dành cho các con khác làm giảm thời gian dành cho em bé mới sinh, và họ bày tỏ một số bất an về bối cảnh mà các ông bố dành thời gian với những đứa trẻ này - thường là tại nhà của mẹ ruột của chúng. Về cơ sở của một số lời phàn nàn này là nỗi sợ hãi rằng người cha sẽ trở nên tái hợp về mặt tình dục với người mẹ (bạn gái cũ) kia. Nỗi sợ hãi này không phải không có cơ sở, xét theo phát hiện của Heather Hill rằng vào cuối nghiên cứu, hơn một phần ba các cặp đôi trải qua ít nhất một lần không chung thủy, đôi khi với bạn gái cũ hoặc bạn trai cũ.

Các ông bố, quả thật, có lẽ cũng cân nhắc chi phí và lợi ích của hôn nhân theo cách khác nhau khi người phụ nữ có một đứa con với một đối tác khác do mình giám hộ, nhưng không có người nam nào trong nghiên cứu TLC3 đề cập đến con cái khác của đối tác là một rào cản, phát hiện này phù hợp với kết quả của cuộc khảo sát.

Rào cản Kinh tế

Bây giờ chúng ta chuyển sang rào cản kinh tế đối với hôn nhân. Trong phần này, chúng ta xem xét tác động của thu nhập thấp của đàn ông, thu nhập tương đối cao của phụ nữ, và thuế hôn nhân.

Thu Nhập Thấp của Đàn ông

Sự giảm sút về việc làm và sa sút thu nhập của đàn ông từ lâu đã được coi là một lý do chính giải thích cho tỷ lệ hôn nhân giảm sút trong số người nghèo. William Julius Wilson cho rằng mức lương thấp hơn và tỷ lệ thất nghiệp cao hơn ở những người đàn ông thiếu số ở đô thị và không có kỹ năng dẫn đến ít nam giới đủ điều kiện để kết hôn cho những phụ nữ tìm kiếm chồng. Valerie Oppenheimer đổ lỗi cho sự trì hoãn hôn nhân trong số người nghèo vào sự không chắc chắn do sự chậm trễ đáng kể của việc nhập cuộc vào việc làm toàn thời gian ổn định của đàn ông thiệt thòi. Vì nhiệm vụ của chúng tôi là xác định những rào cản hiện tại đối với hôn nhân, chúng tôi bỏ qua cuộc tranh luận về nguyên nhân của sự suy giảm hôn nhân [nói chung] theo thời gian, ngoài việc lưu ý rằng sự thay đổi trong vị thế kinh tế của đàn ông không giải thích nhiều về xu hướng này. Thay vào đó, chúng tôi tập trung vào nghiên cứu khảo sát tác động hiện tại của vị thế kinh tế của đàn ông đối với việc bước vào hôn nhân.

Trong hầu hết các phân tích khảo sát, việc làm và thu nhập ổn định của nam giới tăng tỷ lệ kết hôn cho nhóm dân số nói chung, mặc dù có một số tranh cãi về tác động của chúng đối với người sống thử. Việc làm và thu nhập ổn định của nam giới cũng tăng tỷ lệ kết hôn trong số các bậc mới làm cha làm mẹ, và chưa kết hôn. Ngược lại, sự không ổn định trong việc làm và trình độ học vấn thấp thường làm giảm khả năng kết hôn. Trong tất cả các phân tích này, tuy nhiên, tác động của việc làm và thu nhập của nam giới đối với quá trình chuyển đổi hôn nhân là khá nhỏ. Để đánh giá vai trò của việc làm và thu nhập đối với cha mẹ chưa kết hôn có con - đối tượng mục tiêu của các sáng kiến hôn nhân mới -

Carlson, McLanahan và England đã tiến hành một mô phỏng để dự đoán tỷ lệ cha mẹ chưa kết hôn sẽ kết hôn nếu thu nhập của nam giới tăng lên 1 độ lệch chuẩn. Trong mô hình này, tỷ lệ kết hôn chỉ tăng khoảng 1,9 điểm phần trăm - tăng 18% - trong vòng một năm sau khi đứa trẻ chào đời (từ 9 lên 10,6 phần trăm).

Tóm lại, dữ liệu định lượng cho thấy giáo dục, việc làm, sự ổn định công việc và thu nhập của đàn ông có ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi sang hôn nhân, nhưng không nhiều như người ta có thể mong đợi.

Nghiên cứu chất lượng của Edin về các bà mẹ đơn thân ở Chicago, Camden và Charleston cho thấy thu nhập của đàn ông rất quan trọng trong các tính toán của các bà mẹ về việc liệu đối tác nam của họ có đáng để kết hôn hay thậm chí đáng để ở chung không. Nhưng nghiên cứu cũng cho thấy các bà mẹ không hoàn toàn vì lợi ích vật chất trong thái độ của họ đối với đàn ông. Thay vào đó, họ đặt gần như trọng tâm ngang nhau vào sự đều đặn của những đóng góp của anh ấy, nỗ lực mà anh ấy bỏ ra để có và giữ việc làm, và nguồn gốc của thu nhập (buôn bán ma túy không được coi là một chiến lược việc làm lâu dài khả thi). Hơn nữa, mặc dù thu nhập ổn định dường như là một điều kiện tiên quyết cần thiết cho hôn nhân trong nhóm này, chúng không đủ để thúc đẩy hôn nhân - thu nhập của đàn ông chỉ là một trong nhiều rào cản.

Thu Nhập của Phụ Nữ

Trong ba mươi năm qua, sự tăng trưởng mạnh mẽ trong việc làm và thu nhập của phụ nữ Mỹ đã diễn ra. Bắt đầu từ giữa những năm 1990, sự kết hợp của một nền kinh tế mạnh mẽ, một chương trình tín dụng thu nhập kiếm được (EITC / Earned Income Tax Credit) mở rộng và cải cách phúc lợi đã thu hút hoặc đẩy một số lượng lớn chưa từng có các bà mẹ đơn thân có thu nhập thấp vào lực lượng lao động. Các nhà nghiên cứu thường xuyên đề cập đến sự tăng trưởng trong việc làm của phụ nữ là một lý do chính cho tỷ lệ hôn nhân giảm giữa những người Mỹ thiệt thòi. Gary Becker, chẳng hạn, cho rằng việc làm của phụ nữ và mức lương

của họ so với đàn ông làm giảm lợi ích từ hôn nhân mà đến từ sự chuyên môn hóa (anh ấy trong vai trò kiếm tiền và cô ấy là người nội trợ), và do đó dẫn đến tỷ lệ kết hôn thấp hơn. Tương tự, Sara McLanahan và Lynn Casper cho rằng các cặp đôi có thể đang trì hoãn hôn nhân bởi vì phụ nữ có độc lập kinh tế hơn và ít phụ thuộc vào lương của đàn ông.

Ở đây, kết quả thực nghiệm hơi mơ hồ. Trong dân số nói chung, một số nghiên cứu cho thấy việc làm của phụ nữ, giờ làm việc, thu nhập hoặc tiềm năng kiếm được của họ có thể làm chậm quá trình kết hôn. Nhưng những nghiên cứu khác không tìm thấy tác động như vậy, và một số khác lại tìm thấy tác động tích cực của thu nhập ở phụ nữ đối với quá trình chuyển đổi sang hôn nhân.

Megan Sweeney đưa ra giải thích rõ hơn cho những phát hiện mâu thuẫn này, cho thấy vai trò của vị thế kinh tế của phụ nữ có thể thay đổi theo thời gian. Cô ấy phát hiện rằng trong khi thu nhập của phụ nữ có thể đã làm giảm tỷ lệ kết hôn trong những nhóm trước - nhóm phụ nữ trong độ tuổi khoảng 50 - 55, chúng đã tăng tỷ lệ kết hôn trong một nhóm gần đây hơn, những người trong độ tuổi 40 - 45.

May mắn thay, các nghiên cứu tập trung vào tình hình kinh tế của phụ nữ thiệt thòi và khả năng kết hôn của họ khá nhất quán và rõ ràng trong phát hiện của họ: đối với những người ở dưới cùng của phân phối học vấn, việc làm của phụ nữ tăng quá trình chuyển đổi sang hôn nhân. Mọi quan hệ đó được xác nhận thêm bởi các phân tích gần đây của Cuộc khảo sát Gia đình Mong manh, phát hiện rằng trình độ học vấn cao hơn và mức lương hàng giờ cao hơn cho phụ nữ đã tăng tỷ lệ kết hôn trong các cặp đôi trong năm sau khi đứa trẻ của họ chào đời.

Nghiên cứu chất lượng cung cấp một số manh mối về lý do tại sao việc làm và thu nhập cao hơn của phụ nữ có thể thúc đẩy tỷ lệ kết hôn của họ. Các cuộc phỏng vấn của Edin và Kefalas với các bà mẹ đơn thân ở

Philadelphia và các cuộc phỏng vấn của Edin với các bà mẹ đơn thân ở Chicago, Camden và Charleston phát hiện ra rằng hầu hết họ khẳng định rằng họ sẽ không kết hôn nếu điều đó có nghĩa là họ phải phụ thuộc vào thu nhập của một người đàn ông. Họ cảm thấy rằng việc trở nên tự chủ về mặt kinh tế trước khi kết hôn là rất quan trọng, một phần vì họ muốn một mối quan hệ đối tác ngang bằng và tin rằng tiền bạc sẽ mua được quyền lực trong một mối quan hệ hôn nhân, nhưng cũng bởi vì tiền của chính mình có thể cung cấp bảo hiểm trong trường hợp ly hôn.

Thuế Hôn Nhân

Nhà nước phúc lợi Mỹ, đã phát triển mạnh mẽ từ khi bắt đầu vào năm 1935 cho đến nay, cũng đã được một số người cho rằng là một trong những yếu tố chính gây ra sự suy giảm tỷ lệ hôn nhân. Cách đây hai thập kỷ, Charles Murray đặt giả thuyết rằng một mạng lưới an toàn xã hội hào phóng chịu trách nhiệm cho tỷ lệ hôn nhân thấp trong số người nghèo. Murray cho rằng "thuế" lớn áp đặt lên những bà mẹ đơn thân khi họ kết hôn với cha của con mình - tức là mất tiềm năng cho những quyền lợi của họ - làm cho nhiều bà mẹ đơn thân có lý do hợp lý về mặt kinh tế khi quyết định không kết hôn. Bài tổng quan của Robert Moffitt về tài liệu nghiên cứu về tác động làm giảm kích lệ của hệ thống phúc lợi Mỹ cho thấy một tác động giảm nhẹ đáng kể, nhưng ngạc nhiên là nhỏ, của quyền lợi phúc lợi đối với hôn nhân. Moffitt kết luận rằng "hệ thống phúc lợi có vẻ như không có khả năng giải thích phần lớn xu hướng tăng dài hạn số gia đình do phụ nữ đứng đầu ở Hoa Kỳ."

EITC có thể đóng một vai trò tích cực bằng cách tăng thu nhập của các bà mẹ đơn thân, từ đó giúp họ đạt được mức sống mà họ tin là cần thiết cho hôn nhân.

Tiêu chuẩn kinh tế cao mà người Mỹ thiết lập ra cho hôn nhân có lẽ là lý do chính khiến hệ thống phúc lợi có tác động nhỏ đến tỷ lệ kết hôn.

Ngoài ra, như ba nghiên cứu chất lượng về các bậc cha mẹ chưa kết hôn phát hiện, phụ nữ nhận phúc lợi tin rằng họ quá thấp so với tiêu chuẩn kinh tế để có thể xem xét đến việc kết hôn. Hơn nữa, hầu như không có bà mẹ hay ông bố nào trong những nghiên cứu này đặt phúc lợi hoặc mất tiềm năng của EITC (mà phụ nữ đơn thân nghèo thường gọi là "khoản hoàn thuế của họ") là một rào cản đối với hôn nhân. Thực tế, EITC có thể đóng một vai trò tích cực bằng cách tăng thu nhập của các bà mẹ đơn thân, từ đó giúp họ đạt được mức sống mà họ tin là cần thiết cho hôn nhân. Nó cũng cung cấp một động lực mạnh mẽ cho các bà mẹ đơn thân không muốn phụ thuộc vào việc làm hoặc phúc lợi (hiện nay bị giới hạn thời gian và yêu cầu nhiệm vụ làm việc cho hầu hết người nhận) để kết hôn với một người đàn ông có việc làm.

Kế Hoạch Thúc Đẩy Hôn Nhân của Các Nhà Hoạch Định Chính Sách Có Đúng Đắn?

Xét về những gì các nhà nghiên cứu đang phát hiện về những rào cản đối với hôn nhân mà các cặp đôi có thu nhập thấp phải đối mặt, hoặc tin rằng họ phải đối mặt, kế hoạch thúc đẩy hôn nhân của các nhà hoạch định chính sách liên bang và tiểu bang có khả năng thành công như thế nào?

Thái Độ và Quan Niệm về Hôn Nhân

Phụ nữ và đàn ông thiết thời mong muốn kết hôn và kỳ vọng sẽ kết hôn một ngày nào đó. Nhưng họ không nhất thiết coi việc sinh con và kết hôn là những sự kiện cuộc sống đi cùng nhau. Họ thường tin vào những gì các bài viết trong tập này của Adam Thomas và Isabel Sawhill cũng như của Paul Amato chứng minh: rằng, trung bình, trẻ em sẽ có lợi thế hơn khi được nuôi dưỡng trong hôn nhân. Tuy nhiên, đối với hầu hết các cặp đôi nghèo, lý tưởng này vẫn chủ yếu không được thực hiện do sự phức tạp từ cuộc sống của họ. Vì những lý do này, các chiến dịch công cộng nhằm thuyết phục người Mỹ nghèo về giá trị của hôn nhân có lẽ đang giảng cho những người đã hiểu rõ nó. Thay vào đó, chúng nên nhắm đến mục đích thông tin cho họ về lợi ích cho trẻ em khi được nuôi

dưỡng trong một gia đình có cả hai bậc cha mẹ ruột, cũng như về những tác động xấu của mối quan hệ bạo lực hoặc xung đột cao đối với sự hạnh phúc và an lành của trẻ em.

Vấn Đề Mối Quan Hệ

Mặc dù các chương trình hôn nhân liên bang và tiểu bang đã gây ra sự chỉ trích gay gắt từ nhiều quan sát viên, đặc biệt là từ những người tự do chính trị, những phát hiện mà chúng tôi đã trích dẫn cho thấy các chương trình nhằm cải thiện chất lượng mối quan hệ là cần thiết. Nhưng các chương trình hôn nhân phải giải quyết [vấn đề] thực tế của cuộc sống mà đàn ông và phụ nữ thiệt thòi phải đối mặt. Họ thường đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng trong mối quan hệ của họ. Những vấn đề này phải được giải quyết trực tiếp trong bất kỳ chương trình kỹ năng quan hệ nào, vì thật khó để thấy làm thế nào một mối quan hệ có thể tồn tại, hoặc thậm chí nên tồn tại khi đối diện với những vấn đề rất nghiêm trọng này. Các nhà hoạch định chính sách cũng nên xem xét kỹ lưỡng liệu có khôn ngoan không khi giải quyết những vấn đề này sớm hơn, có thể là ở trường trung học hoặc thậm chí sớm hơn nữa, trước khi những khó khăn nghiêm trọng như vậy có cơ hội phát triển.

Nỗi Sợ Ly Hôn

Các nhà hoạch định chính sách phải nhận ra rằng một lý do tại sao đàn ông và phụ nữ nghèo có thể đặt kỳ vọng kinh tế và mối quan hệ cho hôn nhân cao là vì họ rất ngại ly hôn và tin rằng ly hôn làm nhục nhã một thể chế mà họ tôn trọng. Như bài đánh giá này cho thấy, nghiên cứu mới chỉ bắt đầu làm sáng tỏ những gì có thể cần thiết khuyến khích để nhiều cặp đôi thu nhập thấp kết hôn hơn. Làm như vậy mà không cung cấp các công cụ cần thiết để làm cho hôn nhân của họ phát triển có thể có những hậu quả không mong muốn, bao gồm cả ly hôn. Oklahoma, tiểu bang dẫn đầu quốc gia trong các chương trình nhằm quảng bá và củng cố hôn nhân, đã được thúc đẩy hành động bởi nhận thức rằng tỷ lệ ly hôn của họ là cao thứ hai trong quốc gia. Ly hôn trong số các cặp đôi thu nhập thấp đã cao. Có lẽ, điều mà không có nhà hoạch định chính

sách liên bang và tiểu bang nào muốn làm là khiến cho hôn nhân thu nhập thấp mất ổn định hơn.

Con của Anh, Cô ấy, hay Của Cả Hai?

Các nhà hoạch định chính sách phải nhận ra rằng việc khuyến khích hôn nhân trong số người nghèo sẽ có rất ít các cấu trúc gia đình "truyền thống". Thay vào đó, trẻ em trong những gia đình này có thể sẽ là sự kết hợp của con riêng của anh ấy, con riêng của cô ấy và con chung của đôi ta. Như Marcia Carlson và Frank Furstenberg cảnh báo, nguồn lực của cha mẹ phải được phân bổ qua các mối quan hệ như vậy và có thể dẫn đến chất lượng nuôi dạy con thấp hơn so với thường thấy trong các gia đình có cặp vợ chồng kết hôn ngay nay [ý là bố mẹ đẻ chăm con ruột thì thường vẫn tốt hơn]. Do đó, trong những gia đình hỗn hợp này, trẻ em từ đối tác khác có thể không nhận được những lợi ích giống như trẻ em mà cặp đôi có chung [con ruột cả cả hai]. Chương trình giáo dục kỹ năng quan hệ nên được tổ chức xung quanh việc giúp cha mẹ đối mặt với những thách thức này. Cũng đáng lưu ý rằng một trong những dự báo mạnh mẽ nhất của việc sinh con với nhiều đối tác khác, ngoài yếu tố chủng tộc hoặc trình độ học vấn của cha mẹ là việc sinh con đầu tiên khi còn thanh thiếu niên, vì vậy nỗ lực công cộng và tư nhân để tiếp tục giảm tỷ lệ sinh con của thanh thiếu niên nên tiếp tục nhận được sự hỗ trợ.

Tình Hình Kinh Tế của Các Cặp Đôi Có Thu Nhập Thấp

Đàn ông và phụ nữ thiết thời coi hôn nhân theo một tiêu chuẩn kinh tế, yêu cầu một mức độ ổn định tài chính khá cao - đủ để tích lũy được những tài sản chung đáng kể. Do đó, các nhà hoạch định chính sách muốn giúp các cặp đôi với vấn đề quan hệ của họ, cũng phải tìm cách giải quyết sự không ổn định, mức lương thấp và không coi trọng kinh nghiệm trong công việc mà họ thường nắm giữ. Họ cũng nên nghĩ ra cách để thúc đẩy sở hữu nhà ở và phát triển tài sản khác. Những quan niệm về mức sống mà các cặp đôi phải đạt được trước khi họ có thể kết hôn phản ánh quan điểm đạo đức mạnh mẽ về độ bền vững của hôn

nhân. Edin và Kefalas viết, “Người bảo thủ đang hành động dựa trên tiền đề rằng không kết hôn là lý do khiến nhiều phụ nữ và trẻ em nghèo đói. Nhưng phụ nữ nghèo khẳng định rằng chính sự nghèo đói của họ là yếu tố làm cho việc duy trì hôn nhân trở nên khó khăn. Quan sát sắc sảo của họ về hành vi của tầng lớp trung lưu cho họ biết rằng với tất cả những kỳ vọng mà người Mỹ hiện nay đặt ra, hôn nhân hiện đại đã đủ khó khăn mà không cần thêm gánh nặng về mặt tài chính. Họ hỏi, làm thế nào một cuộc hôn nhân bị căng thẳng về mặt kinh tế có thể hy vọng tồn tại được đây?” Cho đến nay, các nhà hoạch định chính sách đã dành nhiều sự chú ý hơn để nâng cao kỹ năng quan hệ hơn là giúp các cặp đôi đạt được mục tiêu kinh tế của họ.

Làm cho phúc lợi ít hào phóng hơn không có khả năng dẫn đến sự tăng lớn về mặt số lượng hôn nhân. Thay vào đó, các nhà hoạch định chính sách phải giải quyết cả việc làm và thu nhập của đàn ông lẫn phụ nữ, vì những người mẹ cảm thấy điều rất quan trọng là họ phải đứng vững về mặt kinh tế trước khi xem xét việc kết hôn. Điều này có ý nghĩa thực tế, vì mức sống mà các cặp đôi này hướng đến và khẳng định phải đạt được trước khi họ kết hôn sẽ đòi hỏi cả hai nguồn thu nhập [chứ không chỉ riêng thu nhập của người chồng].

-

Các chú thích dài, không thuộc phần nội dung chính, đọc giả vui lòng xem ở bản tiếng Anh gốc.

- Hết -

Lời của người biên tập: nội dung của tài liệu này được tạo ra với mong muốn trở thành nguồn tư liệu hữu ích cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề nhưng có vốn tiếng Anh hạn chế. Ngoài điều ấy ra, nó không có mục đích nào khác, bao gồm, nhưng không giới hạn: tiền bạc, nổi tiếng, dạy đời, v.v.. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến (các) tác giả gốc của nghiên

cứu này. Độc giả vui lòng chỉ dùng tài liệu này cho mục đích cá nhân & phi thương mại.

Người biên tập: Nguyễn Đức Anh (blogmienphi.com)

Link gốc bản tiếng Anh: <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ795854.pdf>

Nếu bạn có khả năng đọc hiểu tiếng Anh, hãy đọc bản gốc, nó bao giờ cũng tốt hơn bản dịch.

Phiên bản #1 của bản dịch này được hoàn thành vào ngày: 08/01/2024

Chúng tôi có thể cập nhật các bản dịch tốt hơn, để tăng cường chất lượng. Nếu trường hợp đó xảy ra, trên website sẽ có thông báo rõ ràng về các phiên bản khác nhau để độc giả phân biệt.